

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ~~223~~/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày ~~28~~ tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Yên Bái**  
**giai đoạn 2021 - 2025**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Yên Bái;*

*Căn cứ Kết luận số 686-KL/TU ngày 12/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 188/TTr-SNN ngày 25 tháng 8 năm 2020,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025.

*(Có Chương trình kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu tích hợp, lồng ghép nội dung, nhiệm vụ Chương trình Khuyến nông tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025 vào Đề án cơ cấu lại


ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và các đề án, chương trình, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn để triển khai thực hiện theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện theo Chương trình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** 

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng (NLN)  
Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, NLN. 

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Khánh**



**CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TỈNH YÊN BÁI  
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Kèm theo Quyết định số: 2228./QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

**I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Sự cần thiết**

Yên Bái là tỉnh miền núi, nằm giữa vùng Tây Bắc - Đông Bắc và Trung du Bắc bộ, phía Bắc giáp tỉnh Lào Cai, phía Nam giáp tỉnh Phú Thọ, phía Đông giáp 2 tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, phía Tây giáp tỉnh Sơn La. Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Yên Bái là 688.627,64 ha, xếp thứ 8 so với 11 tỉnh thuộc vùng núi phía Bắc. Yên Bái có 9 đơn vị hành chính (01 thành phố, 01 thị xã và 07 huyện) với tổng số 173 xã, phường, thị trấn. Dân số toàn tỉnh có trên 821.000 người (trong đó dân số nông thôn chiếm trên 80,2%) với 30 dân tộc anh em cùng sinh sống, có bản sắc văn hóa dân tộc phong phú và đa dạng.

Với vị trí địa lý là cửa ngõ miền Tây Bắc, nằm trên tuyến hành lang kinh tế chủ lực Trung Quốc - Việt Nam: Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Hệ thống giao thông tương đối đa dạng như đường bộ, đường sắt và đường thủy, nhất là đường bộ cao tốc Nội Bài - Lào Cai đã tạo cho Yên Bái có điều kiện và cơ hội thuận lợi để hội nhập và giao lưu thương mại, phát triển văn hóa xã hội nói chung và giao thương hàng hóa nông lâm sản nói riêng, không chỉ với các tỉnh trong vùng, các trung tâm kinh tế lớn trong cả nước mà còn cả trong giao lưu kinh tế quốc tế, đặc biệt là với các tỉnh Tây Nam Trung Quốc.

Yên Bái có địa hình khá phức tạp nhưng có thể chia thành vùng cao và vùng thấp: Vùng cao có độ cao trung bình 600 m trở lên chiếm 67,56% diện tích toàn tỉnh; vùng thấp có độ cao dưới 600 m, chủ yếu là địa hình đồi núi thấp, thung lũng bồn địa, chiếm 32,44 % diện tích tự nhiên. Tổng diện tích đất nông nghiệp 583.717,47 ha chiếm 84,76% diện tích đất tự nhiên. Vị trí địa lý thuận lợi và sự đa dạng tiểu vùng thổ nhưỡng, khí hậu đã tạo cho Yên Bái có những lợi thế phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn gắn với phát triển du lịch, dịch vụ...

Để thúc đẩy phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, trong những năm qua công tác khuyến nông đã được tăng cường với nhiều nội dung và hình thức hoạt



động khác nhau góp phần làm thay đổi nhận thức của nông dân và các tổ chức sản xuất; nhiều hộ nông dân đã áp dụng thành công các kiến thức đã học để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập, giảm nghèo, làm giàu, thích ứng với các điều kiện sinh thái, khí hậu và thị trường. Hoạt động công tác khuyến nông đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm.

Với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, sự đóng góp tích cực của ngành nông nghiệp, của hệ thống khuyến nông, những năm gần đây sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn những năm vừa qua đã đạt được những kết quả nổi bật: Tốc độ tăng tổng sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn (*theo giá so sánh 2010*) giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5,13%, vượt 0,13% so với mục tiêu. Cơ cấu tổng sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản đến năm 2020 đạt 22% trong cơ cấu GRDP của tỉnh. Hình thành được một số vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, giá trị cao.<sup>1</sup> Xây dựng được một số sản phẩm nông nghiệp đặc sản, đặc trưng, có thương hiệu, gắn kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ.<sup>2</sup>

Bên cạnh những thành tựu đạt được, trong sản xuất nông lâm nghiệp còn bộc lộ những hạn chế: Sản xuất nông nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; trình độ sản xuất của nông dân không đồng đều giữa các vùng; giá trị sản xuất nông nghiệp thấp, một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản xuất hàng hóa chưa gắn kết chặt chẽ với thị trường tiêu thụ; các sản phẩm có nhãn hiệu chứng nhận còn ít; quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, phân tán; chất lượng sản phẩm chưa cao và khả năng cạnh tranh còn thấp.

Nguyên nhân dẫn tới những tồn tại, hạn chế đó là do công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhiệm vụ đào tạo tập huấn khuyến nông chưa được sâu rộng, chưa gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành; nguồn ngân sách cho hoạt động khuyến nông còn nhiều khó khăn nên việc xây dựng và nhân rộng mô hình từ nguồn ngân sách địa phương chủ yếu mới triển khai được ở quy mô nhỏ, ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật đơn giản, với những đối tượng cây trồng, vật nuôi có chu kỳ kinh doanh ngắn ngày.

Vì vậy việc đẩy mạnh công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật thúc đẩy phát triển sản xuất nông lâm nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường trở nên quan trọng và cấp thiết. Phương hướng phát triển kinh tế nông nghiệp của tỉnh đã xác định: Phát triển nông, lâm nghiệp đa mục tiêu, chuyên canh nông sản chủ lực, đặc sản, hữu cơ và sản phẩm công nghệ cao; phát triển chăn nuôi, thủy sản

1. Vùng lúa chất lượng cao 3.000 ha, vùng trồng dâu nuôi tằm 900 ha, vùng cây ăn quả có múi trên 5.000 ha, vùng quế 78.000 ha, vùng măng tre Bát độ 5.000 ha, vùng Sơn tra trên 9.200 ha, rừng trồng gỗ nguyên liệu 90.000 ha...

2. Cam Sành Lục Yên, Bưởi Đại Minh, chè Suối Giàng, gạo nếp Tú Lệ, gạo Mường Lò, cá hồ Thác Bà...

theo hướng tập trung, bảo đảm an toàn sinh học. Nhiệm vụ giải pháp chủ yếu với vùng cao là bảo đảm sinh kế cho người dân; chuyển mạnh từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa... Với vùng thấp hình thành các vùng nguyên liệu chuyên canh nông sản theo chuỗi giá trị với một số sản phẩm chủ lực, cấp mã số vùng trồng, mã vạch sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng.

Xuất phát từ các yêu cầu thực tiễn, việc xây dựng “Chương trình Khuyến nông tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025” là rất quan trọng và cần thiết nhằm đẩy mạnh công tác khuyến nông, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh trong phát triển nông nghiệp nông thôn và các nhiệm vụ của ngành nông nghiệp trong giai đoạn tới. Huy động các nguồn lực của các tổ chức và cá nhân tham gia chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp, tiếp tục thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững thông qua công tác thông tin tuyên truyền; bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo đội ngũ cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông và bà con nông dân; tư vấn dịch vụ khuyến nông; triển khai các mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, mô hình khuyến nông theo hướng hàng hóa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.

## **2. Căn cứ pháp lý**

- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;
- Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;
- Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho các hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Yên Bái;
- Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Yên Bái;
- Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về phê duyệt danh mục ngành hàng, sản phẩm nông lâm nghiệp và thủy sản quan trọng khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Yên Bái;



## II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Mục tiêu chung

Xây dựng Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2021 - 2025 gồm tập hợp các nhiệm vụ khuyến nông, tập trung vào các ngành hàng, sản phẩm nông lâm nghiệp và thủy sản quan trọng. Góp phần tổ chức lại sản xuất từ nhỏ lẻ sang sản xuất tập trung hàng hóa, nâng cao hiệu quả trong sản xuất, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động thực tiễn; thúc đẩy phát triển sản xuất nông lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới thông qua ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến. Làm căn cứ đề xuất kế hoạch khuyến nông, dự toán kinh phí hàng năm và chủ động trong việc bố trí nguồn lực triển khai thực hiện.

### 2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ và cộng tác viên khuyến nông. Nâng cao kiến thức, trình độ và kỹ năng canh tác cho người sản xuất về các kỹ thuật nuôi trồng, thâm canh tiên tiến, an toàn, sản xuất theo tiêu chuẩn gắn với truy xuất nguồn gốc.

- Tổ chức 25 lớp đào tạo cho khoảng 750 học viên tham gia. Xây dựng đội ngũ cán bộ và cộng tác viên khuyến nông có nghiệp vụ, có kinh nghiệm chuyên giao tiến bộ kỹ thuật, nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông.

- Tổ chức 150 lớp tập huấn kỹ thuật cho 6.000 lượt nông dân và người sản xuất với các nội dung thuộc 5 lĩnh vực và 19 sản phẩm thuộc danh mục ngành hàng, sản phẩm nông lâm nghiệp và thủy sản quan trọng khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn.

2.2. Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của tỉnh về nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Đầu tư trang thiết bị như máy quay phim, dựng hình, máy ảnh, máy chiếu và cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về xây dựng kịch bản, quay phim, dựng hình.

- Xây dựng các ấn phẩm khuyến nông như: Bản tin khuyến nông, lịch nông vụ, tờ rơi, tờ gấp kỹ thuật cấp phát cho cán bộ khuyến nông cơ sở, cộng tác viên khuyến nông; cho nông dân và các tổ chức sản xuất.

- Hỗ trợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm chủ lực, các sản phẩm OCOP cho tổ hợp tác, hợp tác xã thông qua các gian hàng trưng bày, triển lãm tại các diễn đàn, hội chợ, hội nghị về nông nghiệp, nông thôn trong và ngoài tỉnh.

- Tổ chức 03 đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả tại những vùng có điều kiện tương đồng trong và ngoài tỉnh làm hạt nhân đi đầu, từng bước lan tỏa trong cộng đồng.

2.3. Xây dựng 14 mô hình trình diễn với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP; mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; sản xuất có chứng nhận; sản xuất nông nghiệp hướng hữu cơ; liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, ứng dụng công nghệ cao.

2.4. Tư vấn cho nông dân và các tổ chức sản xuất về chính sách và pháp luật trong nông nghiệp, nông thôn; liên kết sản xuất theo chuỗi; chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ; tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp; khởi nghiệp, lập dự án đầu tư quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.

2.5. Liên kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý, cơ sở nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp với nông dân và giữa nông dân với nông dân. Phối hợp với các trung tâm, viện, trường triển khai các dự án khuyến nông Trung ương. Thực hiện hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nông, lâm nghiệp.

### **III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN**

#### **1. Phạm vi**

Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2021 - 2025 (Chương trình) được triển khai trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Căn cứ vào danh mục Chương trình được phê duyệt, hàng năm sẽ tiến hành khảo sát chọn địa điểm, xây dựng thuyết minh dự án, kế hoạch dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo theo các quy định hiện hành của Nhà nước, làm căn cứ triển khai thực hiện.

#### **2. Đối tượng**

Đối tượng để triển khai Chương trình trên địa bàn bao gồm: Người nông dân, chủ trang trại, tổ liên kết, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản.

### **IV. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH**

#### **1. Về đào tạo, tập huấn**

Xuất phát từ nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh Yên Bái, bám sát vào các ngành hàng, sản phẩm nông lâm nghiệp và thủy sản quan trọng để xây dựng kế hoạch, tổ chức khóa học ngắn hạn gắn lý thuyết với thực hành. Cụ thể:

- Tổ chức 25 lớp đào tạo, tập huấn cho 750 học viên (TOT) tham gia nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp, kỹ năng khuyến nông, kỹ năng viết tin bài và chụp ảnh tuyên truyền.

- Tổ chức 150 lớp tập huấn cho 6.000 học viên về kỹ thuật sản xuất, quản lý kinh doanh nông nghiệp, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, dịch hại. Đối



tượng là nông dân, chủ trang trại, tổ liên kết, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản.

- Tổ chức 01 đoàn học tập trong tỉnh, 02 đoàn học tập ngoài tỉnh nhằm học tập kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp điển hình, tiên tiến trong.

## **2. Về thông tin, tuyên truyền**

Truyền tải những chủ trương, chính sách của Nhà nước, của ngành nông nghiệp, quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả, những điển hình tiên tiến trong sản xuất nông lâm nghiệp; thông tin về thị trường, giá cả nông sản, vật tư nông nghiệp, hướng dẫn phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại...

- Cử cán bộ khuyến nông tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về xây dựng kịch bản, quay phim, dựng hình; đầu tư trang thiết bị như máy quay phim, máy tính cấu hình cao phục vụ dựng hình, máy ảnh chuyên dụng... để chủ động xây dựng các chương trình truyền hình khuyến nông.

- Xây dựng, đăng tải các tin bài tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng; phát hành 1.000 cuốn Bản tin Khuyến nông Yên Bái/quý; xây dựng lịch nông vụ với 1.000 cuốn/quý; hàng năm xây dựng, xuất bản 9.000 tờ rơi, tờ gấp kỹ thuật cấp phát cho cán bộ khuyến nông cơ sở, cộng tác viên khuyến nông, các tổ hợp tác, hợp tác xã.

- Nâng cấp, duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử tổng hợp Khuyến nông Yên Bái "*Khuyennongyenbai.vn*" góp phần tuyên truyền chủ trương, chính sách của tỉnh trong nông nghiệp; hướng dẫn kỹ thuật sản xuất trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản; thông tin thị trường; tin hoạt động khuyến nông; xây dựng nông thôn mới...

- Hàng năm tổ chức từ 10 - 15 gian hàng trưng bày, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực và các sản phẩm OCOP của các tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp tại các diễn đàn khuyến nông, hội chợ, hội nghị trong và ngoài tỉnh.

## **3. Xây dựng và nhân rộng mô hình**

Xây dựng các mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, phù hợp với địa phương theo hướng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, sản xuất có chứng nhận, sản xuất theo hướng hữu cơ, liên kết sản xuất theo chuỗi gắn với tiêu thụ sản phẩm; mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp hiệu quả và bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Giai đoạn 2021 - 2025, triển khai 14 dự án khuyến nông, bao gồm:



### **3.1. Lĩnh vực Trồng trọt (Xây dựng 08 mô hình):**

- Mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm lúa chất lượng cao, an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.
- Mô hình liên kết sản xuất lúa theo hướng hữu cơ gắn với bao tiêu sản phẩm theo chuỗi giá trị.
- Mô hình liên kết trồng thâm canh Dong riêng DR1 theo tiêu chuẩn VietGAP.
- Mô hình sản xuất chè xanh an toàn, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.
- Mô hình thâm canh cam an toàn theo chuỗi giá trị.
- Mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ngô ngọt.
- Mô hình chuyển đổi cây trồng trên đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây khoai sọ.
- Mô hình ghép cải tạo nhãn bằng giống nhãn lồng chín muộn.

### **3.2. Lĩnh vực Chăn nuôi (Xây dựng 03 mô hình):**

- Mô hình chăn nuôi gà thương phẩm chất lượng cao (Giống gà: Ri lai, Mía lai, Chọi lai, Đông dư...) theo hướng an toàn sinh học, truy xuất nguồn gốc.
- Mô hình chăn nuôi dê Boer sinh sản theo hướng an toàn sinh học.
- Mô hình chăn nuôi gà đen bản địa Mù Cang Chải theo hướng hữu cơ.

### **3.3. Lĩnh vực Lâm nghiệp (Xây dựng 02 mô hình):**

- Mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng giống Bạch đàn lai nuôi cây mô đã được công nhận.
- Mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng giống Keo lai nuôi cây mô đã được công nhận.

### **3.4. Lĩnh vực Thủy sản (Xây dựng 01 mô hình):**

- Mô hình nuôi cá Lăng Nha trong lồng trên hồ Thác Bà.

## **4. Tư vấn khuyến nông**

Thực hiện tư vấn về chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn, liên kết sản xuất theo chuỗi. Phương thức thực hiện thông qua tư vấn trực tiếp và các phương tiện truyền thông. Tổ chức 10 buổi tọa đàm, diễn đàn; 04 buổi hội thảo; 04 chương trình hỏi đáp trên truyền hình.

## **5. Hợp tác về khuyến nông**

Hợp tác, trao đổi kinh nghiệm về khuyến nông và khoa học công nghệ với các tổ chức, chuyên gia, doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để đưa tiến bộ kỹ thuật, các giống vật nuôi, giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với điều kiện sản xuất của tỉnh. Phối hợp với các trường đại học, các cơ sở nghiên cứu, chuyên gia triển khai các mô hình thuộc dự án khuyến nông trung ương. Đề xuất, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp tỉnh.

*(Danh mục nhiệm vụ, dự án khuyến nông tại Phụ lục 01)*

## **V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Giải pháp về chính sách**

Cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong nông nghiệp thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.<sup>3</sup>

Ngân sách Nhà nước được bố trí đảm bảo để thực hiện Chương trình trên cơ sở kế hoạch, dự toán hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

### **2. Giải pháp về thực hiện chương trình**

Tích cực đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông. Đẩy mạnh áp dụng các phương pháp tiếp cận tiên tiến, có sự tham gia của người dân, nhất là phương pháp lớp học hiện trường; phương pháp giảng dạy lấy học viên làm trung tâm...vào hoạt động khuyến nông để nâng cao hiệu quả và tính bền vững của các hoạt động.

Trong quá trình thực hiện có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong hệ thống khuyến nông, giữa các cấp chính quyền, địa phương và các đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện các hoạt động khuyến nông.

### **3. Giải pháp về kỹ thuật**

Ứng dụng kết quả các nghiên cứu, các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến về các giống cây trồng vật nuôi có triển vọng phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu,

---

3. Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông; Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông; Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho các hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Yên Bái.



thỏ nhưỡng và về năng suất, chất lượng để đưa vào thực hiện nhằm phát triển bền vững, có hiệu quả, tránh dàn trải, lãng phí.

Ưu tiên các mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, có chứng nhận, sản xuất theo hướng hữu cơ, liên kết sản xuất theo chuỗi gắn với tiêu thụ sản phẩm và truy xuất nguồn gốc; mô hình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại; mô hình phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững cho các đối tượng ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn.

Đối với hộ nghèo, đồng bào thiểu số áp dụng tiến bộ kỹ thuật thiết thực, đơn giản dễ làm, dễ tiếp cận và phù hợp nhằm mở rộng diện tích, nâng cao năng suất. Với những tiến bộ kỹ thuật theo hướng công nghệ cao hoặc cần đầu tư lớn, thực hiện theo tiêu chuẩn VietGAP, an toàn sinh học tổ chức thực hiện ở những hộ, tổ chức có điều kiện về đầu tư, mở rộng sản xuất.

## VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

### 1. Tổng kinh phí

Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2021 - 2025 là 22.735,1 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 20.296,1 triệu đồng (*Bao gồm nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và thực hiện lồng ghép với các chính sách đề án, chương trình phát triển nông lâm nghiệp, chương trình mục tiêu quốc gia*).

- Huy động doanh nghiệp hỗ trợ, đối ứng của nông dân: 2.439 triệu đồng.

### 2. Kinh phí phân theo tiến độ thực hiện

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nguồn kinh phí	Giai đoạn 2021-2025	Năm thực hiện				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	Ngân sách nhà nước	20.296,1	3.404,3	3.801,3	4.173,9	4.445,5	4.471,1
2	Đối ứng của người dân, doanh nghiệp	2.439,0	285,2	285,3	674,4	545,6	648,5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>22.735,1</b>	<b>3.689,5</b>	<b>4.086,6</b>	<b>4.848,3</b>	<b>4.991,1</b>	<b>5.119,6</b>

*(Chi tiết phân kỳ kinh phí thực hiện tại Phụ lục 02)*

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu tích hợp, lồng ghép nội dung, nhiệm vụ Chương trình Khuyến nông tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025 vào Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng

nông thôn mới và các đề án, chương trình, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn để triển khai thực hiện theo quy định.

- Căn cứ Chương trình được phê duyệt và nhu cầu thực tiễn sản xuất, thị trường tổng hợp xây dựng kế hoạch khuyến nông hàng năm; tổ chức thẩm định nội dung, dự toán kinh phí và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các nhiệm vụ, dự án khuyến nông theo phân cấp quản lý.

- Hàng năm, tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp tại địa phương theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện, căn cứ chủ trương, định hướng phát triển của tỉnh và nhu cầu thực tiễn sản xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh chương trình khuyến nông địa phương.

### 2. Các sở, ban, ngành liên có quan

Các sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện theo Chương trình.

### 3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố

Căn cứ nội dung Chương trình và nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn, chỉ đạo các đơn vị chuyên môn và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp với các đơn vị chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng thời triển khai thực hiện tốt Chương trình tại địa phương./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Khánh**





## DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Chương trình Khuyến nông tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025)

TT	Nhiệm vụ	Quy mô/khối lượng	Nguồn kinh phí (Triệu đồng)			Mục tiêu tổng quát và kết quả cần đạt được
			Tổng	Trong đó		
				Nhà nước hỗ trợ	ND đối ứng	
<b>I</b>	<b>ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN</b>	<b>175 lớp</b>	<b>3.735</b>	<b>3.735</b>		
1	Tổ chức các lớp đào tạo (TOT) cho cán bộ, cộng tác viên khuyến nông.	25 lớp (40 học viên/lớp)	1.125	1.125	0	100% cán bộ khuyến nông và 50-60 cộng tác viên/huyện được tham gia khóa đào tạo. Nâng cao năng lực hệ thống cán bộ khuyến nông và cộng tác viên khuyến nông có nghiệp vụ, kinh nghiệm trong công tác chuyên giao tiến bộ kỹ thuật.
2	Tập huấn kỹ thuật	150 lớp (40 học viên/lớp)	2.250	2.250	0	Nội dung tập huấn về các cây trồng, vật nuôi thuộc 5 lĩnh vực và 19 sản phẩm được khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; tập trung vào 10 sản phẩm chủ lực, 10 sản phẩm đặc sản và 70 sản phẩm OCOP, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với truy xuất nguồn gốc...
3	<b>Học tập kinh nghiệm.</b>		<b>360</b>	<b>360</b>	<b>0</b>	Trao đổi, học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất có hiệu quả tại những vùng có điều kiện tương đồng, làm hạt nhân đi đầu trong việc thực hiện và từng bước lan tỏa trong cộng đồng
2.1	Học tập mô hình chanh leo, hồng FUYU	1 đoàn	130	130	0	
2.2	Học tập mô hình thủy sản nước ngọt ứng dụng TBKT.	1 đoàn	130	130	0	
2.3	Học tập mô hình phát triển Quế, cây ăn quả	1 đoàn	100	100	0	
<b>II</b>	<b>THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN</b>		<b>5.460,39</b>	<b>5.460,39</b>	<b>0,00</b>	- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn tiến bộ kỹ thuật, những mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, những điển hình tiên tiến; thông tin thị trường, giá cả nông lâm sản, vật tư kỹ thuật; phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai và sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu.
1	<b>Bản tin, tài liệu, ấn phẩm</b>		<b>2.860,7</b>	<b>2.860,7</b>		- 100% cộng tác viên khuyến nông, các tổ hợp tác, hợp tác xã, trưởng thôn, bản được cấp phát bản tin khuyến nông, lịch nông vụ.
1.1	Xuất bản Bản tin	20.000 cuốn	872,0	872,0	0	- Các cộng tác viên khuyến nông, các hộ nông được cấp các tờ rơi, tờ gấp.
1.2	Lịch nông vụ khuyến nông	20.000 cuốn	1.678,7	1.678,7	0	
1.3	Tờ gấp kỹ thuật	45000 tờ	310,0	310,0	0	
2	<b>Tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng</b>		<b>1.557,5</b>	<b>1.557,5</b>		Hàng năm thực hiện trên 50 tin, phóng sự, chương trình truyền hình về những kết quả, thành tựu trong sản xuất nông lâm nghiệp, khuyến nông, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; các kết quả triển khai chương trình OCOP và sản xuất theo chuỗi...
2.1	Chuyên mục khuyến nông, phóng sự (Đài PTTH tỉnh)	265 chương trình (53 Chương)	1437,5	1437,5	0	
2.1.1	Hướng dẫn kỹ thuật, kết quả hoạt động, gương điển hình....	260 buổi/5 năm	1170	1170		
2.1.2	Phóng sự theo chuyên đề	5 chuyên đề /5 năm	267,5	267,5		
-	Khuyến nông với công tác xây dựng NTM		53,5	53,5		



	Hàng năm của HTX SX theo chương trình giá trị		53,5	53,5		Hàng năm thực hiện trên 50 tin, phóng sự, chương trình truyền hình về những kết quả, thành tựu trong sản xuất nông lâm nghiệp, khuyến nông, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; các kết quả triển khai chương trình OCOP và sản xuất theo chuỗi...
	Hàng năm HTX sản xuất Quốc gia theo chương trình giá trị		53,5	53,5		
	Xây dựng sản phẩm OCOP gạo nếp Tẻ Lệ		53,5	53,5		
-	Kết quả chương trình khuyến nông giai đoạn 2023 - 2025		53,5	53,5		
2.2	Chuyên mục nhà nông cần biết trên Báo Yên Bái	240 tin, bài	120	120	0	Tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật thâm canh, chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi; các gương điển hình tiên tiến nhằm khuyến cáo nhân rộng...
3	Trang thông tin điện tử tổng hợp Khuyến nông Yên Bái	2.265 tin, bài	205	205	0	- Phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản; thông tin thị trường; chuyên mục hỏi đáp với nông dân và tổ chức sản xuất. - Các tổ chức sản xuất, hộ nông dân có sử dụng internet được tiếp cận với các thông tin, các tiến bộ kỹ thuật mới thông qua Website Khuyến nông Yên Bái.
4	Tổ chức trưng bày, triển lãm giới thiệu sản phẩm	05 lần/5 năm	489,75	489,75	0	Quảng bá giới thiệu sản phẩm, khai thác thị trường; nắm bắt nhu cầu của người tiêu dùng để cải tiến, nâng cao chất lượng, phát triển sản phẩm mới.
5	Mua trang thiết bị, đào tạo kỹ năng quay phim	01 bộ máy quay phim; Đào tạo 02 cán bộ	247,44	247,44	0	Mua sắm trang thiết bị thông tin tuyên truyền; cử 02 cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng về xây dựng kịch bản, quay phim, dựng hình để chủ động xây dựng các chương trình khuyến nông (trên 50 chương trình/năm, tạo kho tư liệu khuyến nông).
-	Máy quay camera chuyên dụng và các thiết bị phụ trợ	01 bộ	95,2	95,2		
-	Bộ máy trạm sản xuất dựng chương trình;	01 bộ	98,5	98,5		
-	Đào tạo kỹ năng quay phim dựng hình	02 cán bộ	53,74	53,74		
6	Tổ chức hội thảo, tuyên truyền chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	05 Hội thảo/05 năm	100	100		Tuyên truyền các nội dung chuyên đề, nâng cao nhận thức và thúc đẩy bà con nông dân tích cực hưởng ứng công cuộc xây dựng nông thôn mới trên địa phương
III	<b>XÂY DỰNG VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH</b>		<b>12.871,74</b>	<b>10.432,74</b>	<b>2.439,00</b>	
a	Ngân sách khuyến nông Trung ương		<b>1.800</b>	<b>1.800</b>	<b>0</b>	
1	Dự án "Trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng giống Bạch đàn lai mô đã được công nhận"	110 ha/02 năm	1.800	1.800	0	Chuyển giao các dòng Bạch đàn mô đã được công nhận để phát triển trồng rừng thâm canh cung cấp gỗ lớn. Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất. Nhân rộng các dòng Bạch đàn lai mô được công nhận ra sản xuất.
b	Ngân sách tỉnh		<b>11.071,735</b>	<b>8.632,735</b>	<b>2.439,0</b>	





	Xây dựng mô hình sản xuất chè xanh an toàn, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	15 ha	582	435	147	Xây dựng được mô hình sản xuất, chế biến chè, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác, đảm bảo an toàn thực phẩm làm nguyên liệu cho chế biến chè xanh. Liên kết tiêu thụ sản phẩm và phát triển bền vững.
	Xây dựng mô hình sản xuất cam an toàn theo chuỗi	15 ha	579	435	144	Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất cam an toàn theo chuỗi. Xây dựng thành công 03 mô hình liên kết sản xuất cam với quy mô 15ha/3 năm
	Xây dựng mô hình liên kết sản xuất trồng thâm canh Dong riêng DR1 theo tiêu chuẩn VietGap	15 ha	558,000	420	138	Xây dựng mô hình 15 ha/3 năm, thâm canh dong riêng giống DR1 có năng suất, chất lượng cao. Tạo liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ. Nâng cao hiệu quả kinh tế trên diện tích đất canh tác, đem lại hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà.
4	Xây dựng mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm lúa chất lượng cao theo VietGAP	15 ha	898,8	840	58,8	Ứng dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác, đảm bảo an toàn thực phẩm làm nguyên liệu cho chế biến sản xuất gạo an toàn, có chứng nhận VietGAP. Liên kết tiêu thụ sản phẩm lúa gạo và phát triển mô hình bền vững.
5	Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ngô ngọt	15 ha	369	279	90	Xây dựng mô hình sản xuất ngô ngọt 15ha/03 năm, nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích. Xây dựng chuỗi liên kết, tạo đầu ra cho sản phẩm, đồng thời cung cấp một lượng thức ăn xanh phục vụ cho chăn nuôi gia súc.
6	Xây dựng mô hình liên kết sản xuất lúa theo hướng hữu cơ gắn với bao tiêu sản phẩm	30ha	549	405	144	Xây dựng mô hình 30ha liên kết sản xuất lúa theo hướng hữu cơ, giảm chi phí trong sản xuất, thân thiện với môi trường, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, nâng cao thu nhập và hiệu quả kinh tế cho người sản xuất lúa từ 10-15%.
7	Xây dựng mô hình chăn nuôi gà thương phẩm chất lượng cao theo hướng an toàn sinh học gắn với truy xuất nguồn gốc	2.700 con (chi tiết...)	399	300	99	Xây dựng mô hình chăn nuôi gà theo hướng an toàn sinh học có gắn với truy xuất nguồn gốc. Tăng năng suất, chất lượng thịt. Yêu cầu khối lượng xuất chuồng lúc 16 tuần tuổi đạt 2-2,2kg /con; tiêu tốn thức ăn/1 kg tăng khối lượng cơ thể dưới 3 kg đem lại hiệu quả kinh tế cao.
8	Xây dựng mô hình chăn nuôi dê sinh sản theo hướng an toàn sinh học bằng giống Boer	6 dê đực và 42 dê cái sinh sản	493	375	118	Cải tạo giống dê, nâng cao chất lượng đàn dê trên địa phương. Giúp người chăn nuôi tiếp cận với phương pháp chăn nuôi mới, tăng thu nhập cho hộ gia đình. Yêu cầu khối lượng sơ sinh dê ngoại $\geq 2\text{kg}/\text{con}$ ; 01 dê đực phối chửa 20-40 dê cái.
9	Trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng giống Keo lai mô đã được công nhận	115 ha	1.800	1.400	400	- Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất, nhân rộng các dòng Keo lai mô được công nhận ra sản xuất. Năng suất bình quân toàn chu kỳ đạt từ 25-30m <sup>3</sup> /ha/năm. Năng suất rừng tăng tối thiểu 30% so với mô hình trồng rừng gỗ nhỏ
10	Dự án "Xây dựng mô hình chuyển đổi cây trồng trên đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây khoai sọ	15 ha	721,53	721,53		- Áp dụng các biện pháp thâm canh nhằm tăng năng suất sản lượng mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân, nâng cao giá trị trên một diện tích canh tác, góp phần xây dựng thương hiệu khoai sọ nương Trạm Tầu.
11	Dự án "Xây dựng mô ghép cải tạo nhãn bằng giống nhãn lồng chín muộn"	15 ha	1.878	1.367	511	- Trẻ hoá các diện tích nhãn già cỗi có năng suất thấp, chất lượng kém thành vườn nhãn có năng suất cao, chất lượng tốt, rút ngắn được thời gian từ trồng đến thu hoạch, giống chín muộn góp phần rải vụ thu hoạch
12	Dự án "Xây dựng mô hình chăn nuôi gà đen bản địa Mù Cang Chải theo hướng hữu cơ"	1000 con	120	120		- Xây dựng mô hình điểm chăn nuôi 1.000 con gà đen bản địa theo hướng hữu cơ, là nơi tham quan, học tập và tuyên truyền nhân rộng.



	hỏi đáp qua chương trình "Phát thanh Truyền hình tỉnh"	3.000m <sup>3</sup> /3 năm	2.124,405	1.535,21	589,2	- Góp phần đưa năng suất nuôi thủy sản lên 10 tấn - 12 tấn/ha. Giúp cho người dân tiếp thu và làm chủ được quy trình kỹ thuật nuôi cá Lăng nha trong lồng. Tận dụng được những tiềm năng sẵn có tại địa phương
	<b>TRUYỀN THÔNG VÀ TƯ VẤN</b>		<b>668</b>	<b>668</b>	<b>0</b>	
	Tư vấn chuyên giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật	8 buổi tọa đàm	288	288	0	- Tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, các chương trình hỏi đáp trên truyền hình v.v.. để trao đổi, tư vấn những vấn đề người dân quan tâm, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong sản xuất cho nông dân và các tổ chức sản xuất
2	Tư vấn thông qua chương trình hỏi đáp trên sóng Phát thanh Truyền hình tỉnh	4 chương trình	200	200	0	- Tư vấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp; khởi nghiệp, lập dự án đầu tư. Nâng cao trình độ kỹ thuật và kỹ năng tổ chức, quản lý sản xuất góp phần tăng nhanh sản lượng, nâng cao chất lượng nông, lâm sản hàng hóa.
3	Tư vấn thông qua Hội thảo trên các mô hình liên kết sản xuất trong lĩnh vực nông lâm nghiệp	4 hội thảo	180	180	0	
	<b>TỔNG CỘNG (I + II + III + IV +V)</b>		<b>22.735,13</b>	<b>20.296,13</b>	<b>2.439,00</b>	



Phụ lục 02:

**PHÂN KỲ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
(Kèm theo Chương trình Khuyến nông tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025)

**ĐVT: 1.000 đồng**

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách tỉnh hỗ trợ					Đóng góp của người dân						
					Tổng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Đào tạo, tập huấn			3.735.000	3.735.000	775.000	805.000	575.050	774.950	805.000						
II	Thông tin tuyên truyền			5.460.390	5.460.390	1.042.590	1.042.590	1.042.590	1.290.030	1.042.590						
III	Xây dựng và nhân rộng mô hình			#VALUE!	10.432.735	1.586.735	1.786.735	2.389.245	2.213.510	2.456.510	2.439.000	285.200	285.250	674.430	545.600	648.520
a	Ngân sách TT khuyến nông Quốc Gia			1.800.000	1.800.000	800.000	1.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng giống Bạch đàn lai mô đã được công nhận	ha	11	1.800.000	1.800.000	800.000	1.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0
b	Ngân sách tỉnh				8.632.735	786.735	786.735	2.389.245	2.213.510	2.456.510	2.439.000	285.200	285.250	674.430	545.600	648.520
1	Mô hình liên kết sản xuất chè xanh an toàn nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	ha	15	582.000	435.000			145.000	145.000	145.000	147.000			49.000	49.000	49.000
2	Xây dựng mô hình sản xuất cam an toàn theo chuỗi	ha	15	579.000	435.000			145.000	145.000	145.000	144.000			48.000	48.000	48.000
3	Mô hình liên kết sản xuất trồng thâm canh Dong riêng DR1 theo tiêu chuẩn VietGap	ha	15	558.000	420.000			140.000	140.000	140.000	138.000			46.000	46.000	46.000
4	Mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm lúa chất lượng cao theo VietGap	ha	15	898.800	840.000			224.000	280.000	336.000	58.800			15.680	19.600	23.520
5	Mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ngô ngọt	ha	15	369.000	279.000			93.000	93.000	93.000	90.000			30.000	30.000	30.000
6	Xây dựng mô hình liên kết sản xuất lúa theo hướng hữu cơ gắn với bao tiêu sản phẩm	ha	30	549.000	405.000			135.000	135.000	135.000	144.000			48.000	48.000	48.000
7	Mô hình chăn nuôi gà thương phẩm chất lượng cao theo hướng ATSH gắn với truy xuất nguồn gốc	con	2700	399.000	300.000	150.000	150.000				99.000	49.500	49.500			
8	Xây dựng mô hình chăn nuôi dê sinh sản theo hướng an toàn sinh học bằng giống Boer	con	6 dê đực, 42 dê cái	493.000	375.000	125.000	125.000	125.000			118.000	39.300	39.350	39.350		

9	Trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng giống keo lai mô được công nhận	ha	115	1.800.000	1.400.000			360.000	460.000	580.000	400.000			108.000	140.000	152.000
10	DA mô hình chuyên tưới cơ cấu giống cây trồng trên đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây khoai sọ	ha	15	721.530	721.530			240.510	240.510	240.510	0					
11	Dự án “Xây dựng mô ghép cải tạo nhân bằng giống nhân lồng chín muộn ”	ha	15	1.878.000	1.367.000			270.000	455.000	642.000	511.000			94.000	165.000	252.000
12	Chăn nuôi gà đen bản địa Mù Cang Chải theo hướng hữu cơ	con	1.000	120.000	120.000				120.000		0					
13	Mô hình nuôi cá Lăng nha trong lồng trên Hồ Thác Bà	m2	3.000	2.124.405	1.535.205	511.735	511.735	511.735			589.200	196.400	196.400	196.400		
IV	Tư vấn dịch vụ khuyến nông			668.000	668.000		167.000	167.000	167.000	167.000						
<b>TỔNG CỘNG</b>				#VALUE!	20.296.125	3.404.325	3.801.325	4.173.885	4.445.490	4.471.100	2.439.000	285.200	285.250	674.430	545.600	648.520